

**NỘI QUY CẢNG BIỂN THUỘC KHU VỰC QUẢN LÝ CỦA
CẢNG VỤ HÀNG HẢI HÀ TĨNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 845/QĐ-CVHHHT ngày 30 tháng 6 năm 2026
của Giám đốc Cảng vụ Hàng hải Hà Tĩnh)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nội quy cảng biển này bao gồm các quy định về tàu thuyền, công trình hàng hải, an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, bảo vệ môi trường và các hoạt động khác liên quan đến hoạt động hàng hải tại vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Hà Tĩnh và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Hà Tĩnh trên cơ sở theo quy định Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ (sau đây gọi tắt là Nghị định số 58/2017/NĐ-CP), các quy định pháp luật khác có liên quan và điều kiện thực tế hoạt động hàng hải tại khu vực.

2. Vùng nước cảng biển, khu vực hàng hải thuộc địa phận tỉnh Hà Tĩnh và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Hà Tĩnh (sau đây gọi tắt là “vùng nước cảng biển”) được quy định tại Thông tư số 54/2025/TT-BXD ngày 23/12/2025 của Bộ Xây dựng về công bố vùng nước cảng biển, khu vực hàng hải thuộc địa phận tỉnh Hà Tĩnh và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Hà Tĩnh, bao gồm khu vực hàng hải Vũng Áng – Sơn Dương.

Thông tin chung về vùng nước cảng biển, khu vực hàng hải thuộc địa phận tỉnh Hà Tĩnh và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Hà Tĩnh tại Phụ lục I kèm theo Nội quy cảng biển này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nội quy cảng biển này được áp dụng đối với tổ chức, cá nhân, tàu thuyền Việt Nam và nước ngoài hoạt động hàng hải trong vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Hà Tĩnh và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Hà Tĩnh.

2. Các quy định về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường tại Nội quy cảng biển này cũng được áp dụng đối với cảng cá và cảng, bến thủy nội địa nằm trong vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Hà Tĩnh và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Hà Tĩnh.

Điều 3. Cơ quan quản lý nhà nước về hàng hải và các cơ quan chuyên ngành tại cảng biển

1. Cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải tại cảng biển Hà Tĩnh là Cảng vụ Hàng hải Hà Tĩnh (sau đây gọi tắt là Cảng vụ) có trụ sở chính như sau:

- Địa chỉ: Khu kinh tế Vũng Áng – phường Vũng Áng - tỉnh Hà Tĩnh

- Điện thoại:

+ Văn phòng: 02393.868.823

+ Trực ban thủ tục tàu thuyền: 02393.868.830

- Email:

+ Văn phòng: phongtchc.ht@gmail.com

+ Trực ban thủ tục tàu thuyền: phongphapcheht@gmail.com

- Website: <https://cangvuhanghaihatinh.gov.vn/>.

2. Các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành khác tại cảng biển bao gồm: Hải quan, Biên phòng, Kiểm dịch y tế, Kiểm dịch động vật và Kiểm dịch thực vật.

Thông tin cơ quan quản lý nhà nước về hàng hải, các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành khác tại cảng biển tại Phụ lục II kèm theo Nội quy cảng biển này.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

THÔNG TIN LIÊN LẠC TẠI CẢNG BIỂN

Điều 4. Thông tin liên lạc

1. Tổ chức, cá nhân, tàu thuyền Việt Nam và nước ngoài liên lạc với Cảng vụ qua điện thoại, thư điện tử, trên kênh VHF, các ứng dụng công nghệ thông tin khác hoặc trực tiếp tại các địa chỉ tại Điều 3 của Nội quy cảng biển này.

2. Việc sử dụng VHF thực hiện theo quy định dưới đây:

- Kênh trực canh: 16;
- Kênh làm việc: các kênh được chỉ định;

3. Ngôn ngữ sử dụng liên lạc trên kênh VHF là tiếng Việt hoặc tiếng Anh.

4. Trường hợp cần thiết, tàu thuyền có thể liên lạc với Cảng vụ qua các Đài Thông tin Duyên hải dưới đây:

a) Bến Thủy Radio/Hồ hiệu: XVB/Số nhận dạng (ID): 005742020;

b) Hòn La Radio/Hồ hiệu: VTN/Số nhận dạng (ID): 005741080;

5. Trên kênh trực canh, việc gọi và trả lời phải được tiến hành nhanh chóng và chuyển sang kênh làm việc ngay sau khi đã liên lạc được với nhau.

6. Tàu thuyền, tổ chức và cá nhân không được làm ảnh hưởng đến việc thông tin liên lạc của Cảng vụ trên kênh 14, 16. Nghiêm cấm tàu thuyền khi hoạt động trong vùng nước cảng biển sử dụng VHF vào mục đích riêng trên kênh 16.

Mục 2

THỦ TỤC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG HÀNG HẢI TẠI CẢNG BIỂN

Điều 5. Yêu cầu chung đối với tàu thuyền đến, rời và hoạt động tại cảng biển

1. Tàu thuyền đến, rời và hoạt động tại cảng biển phải bảo đảm các điều kiện theo quy định tại Điều 94 Bộ luật Hàng hải Việt Nam; Mục 1 Chương IV; Mục 1 và Mục 2 Chương V của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Ngoài quy định tại khoản 1 Điều này, tàu thuyền đến cảng biển phải có chiều dài, trọng tải, mớn nước, độ cao tĩnh không và các thông số kỹ thuật liên quan khác phù hợp với điều kiện thực tế của luồng hàng hải, bến cảng, cầu cảng,

bến phao, khu neo đậu, khu chuyển tải, vùng đón trả hoa tiêu, vùng quay trở và các công trình khác đã được các cơ quan có thẩm quyền công bố theo quy định.

Điều 6. Thông báo, xác báo tàu thuyền đến, rời cảng biển; xác báo thông tin điều động tàu thuyền

1. Việc thông báo, xác báo tàu thuyền đến, rời cảng biển thực hiện theo quy định tại các Điều 87, Điều 88 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Việc điều động tàu thuyền neo đậu, di chuyển vị trí, cập cầu, cập mạn hoặc tiến hành các hoạt động tương tự khác trong cảng biển và luồng hàng hải theo quy định tại khoản 1 Điều 62 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Trước thời điểm bắt đầu điều động và ngay sau khi kết thúc điều động, thuyền trưởng phải xác báo việc thực hiện lệnh điều động cho Cảng vụ hàng hải.

Điều 7. Thủ tục tàu thuyền nhập cảnh, xuất cảnh, đến, rời cảng biển, quá cảnh

1. Thủ tục tàu thuyền nhập cảnh, xuất cảnh, đến, rời cảng biển; quá cảnh thực hiện theo quy định tại các Mục 2, Mục 3, Mục 4 và Mục 5 Chương IV Nghị định số 58/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 34/2025/NĐ-CP và Nghị định số 74/2023/NĐ-CP.

2. Quy định miễn, giảm thủ tục tàu thuyền vào, rời cảng biển đối với các trường hợp đặc biệt theo quy định tại Điều 74 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

3. Địa điểm làm thủ tục:

a) Tàu thuyền hoạt động tại khu vực hàng hải Vũng Áng - Sơn Dương: tại trụ sở chính Cảng vụ Hàng hải Hà Tĩnh.

b) Trường hợp địa điểm làm thủ tục tại tàu theo quy định tại khoản 3 Điều 77 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

Điều 8. Thủ tục đối với các hoạt động hàng hải khác tại cảng biển

Các thủ tục đối với các hoạt động hàng hải khác tại cảng biển thực hiện theo quy định của pháp luật và được Cảng vụ thông báo, niêm yết tại địa điểm làm thủ tục và trên website <https://cangvuhanghaihatinh.gov.vn/>.

Mục 3

HOẠT ĐỘNG CỦA TÀU THUYỀN TẠI CẢNG BIỂN

Điều 9. Lệnh điều động của Giám đốc Cảng vụ hàng hải

1. Tàu thuyền chỉ được phép neo đậu, di chuyển vị trí, cập cầu, cập mạn hoặc tiến hành các hoạt động tương tự khác trong vùng nước cảng biển và luồng

hàng hải khi có Lệnh điều động hoặc sự chấp thuận của Giám đốc Cảng vụ hàng hải.

2. Thuyền trưởng và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện chính xác, kịp thời và đầy đủ Lệnh điều động của Giám đốc Cảng vụ. Trường hợp không thể thực hiện theo Lệnh điều động, phải thông báo ngay cho Cảng vụ biết để xử lý.

3. Trong các trường hợp khẩn cấp và cần thiết khác, lệnh điều động có thể thực hiện bằng thông tin liên lạc trực tiếp qua VHF, điện thoại hoặc các phương thức thông tin liên lạc phù hợp khác.

Điều 10. Hành trình của tàu thuyền trong vùng nước cảng biển

1. Tàu thuyền khi hoạt động trong vùng nước cảng biển phải tuân thủ Điều 62 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và Thông tư số 19/2013/TT-BGTVT ngày 16/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định việc áp dụng Quy tắc quốc tế về phòng ngừa đâm va tàu thuyền trên biển và các quy định pháp luật khác liên quan.

Trong trường hợp để tránh nguy cơ tai nạn, sự cố trước mắt hoặc trường hợp ngoài khả năng kiểm soát, thuyền trưởng áp dụng mọi biện pháp phù hợp nhằm bảo đảm an toàn cho tàu mình và các đối tượng khác.

2. Mọi tàu thuyền hành trình trong khu vực hàng hải phải duy trì môn nước phù hợp để đảm bảo tính năng điều động hiệu quả của tàu thuyền.

3. Trừ trường hợp điều động để tránh nguy cơ đâm va, tàu thuyền hành trình trên luồng phải tuân thủ theo hướng dẫn của Cảng vụ như sau:

a) Tại Luồng hàng hải Vũng Áng: tốc độ tối đa không được vượt quá 06 hải lý/giờ;

b) Tại Luồng hàng hải chuyên dùng vào Bến cảng Sơn Dương:

- Đoạn 1: Từ phao số P0 đến cặp phao số P11 - P12: tốc độ tối đa không vượt quá 10 hải lý/giờ;

- Đoạn 2: Từ cặp phao số P11 - P12 đến cặp phao P19 - P20: tốc độ tối đa không vượt quá 08 hải lý/giờ;

- Đoạn 3: Từ cặp phao số P19 - P20 trở vào: tốc độ tối đa không vượt quá 06 hải lý/giờ;

Điều 11. Hoạt động tại các cảng dầu khí ngoài khơi và khu vực thăm dò dầu khí ngoài khơi

Hoạt động của các tàu thuyền thăm dò dầu khí đối với vùng biển ngoài khơi khu vực cảng biển Hà Tĩnh phải thực hiện thủ tục theo quy định tại Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định pháp luật liên quan.

Điều 12. Yêu cầu đối với tàu thuyền neo đậu

1. Tàu thuyền neo đậu trong vùng nước cảng biển thực hiện các quy định tại Điều 65, 66, 69 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

2. Khi cần thay đổi vị trí neo đã được chỉ định, thuyền trưởng phải thông báo ngay cho Cảng vụ biết rõ lý do và chỉ khi có lệnh điều động của Giám đốc Cảng vụ mới được tiến hành điều động tàu thuyền đến vị trí neo mới theo chỉ định, trừ trường hợp bất khả kháng hay để tránh một nguy cơ trước mắt nhằm bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường.

Điều 13. Cập cầu, cập mạn của tàu thuyền

Việc cập cầu, cập mạn của tàu thuyền tại cảng biển được thực hiện theo quy định tại Điều 68 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 29 Điều 1 Nghị định số 34/2025/NĐ-CP.

Điều 14. Hoạt động của tàu thuyền vận chuyển hành khách

Hoạt động của tàu thuyền vận chuyển hành khách thực hiện theo quy định tại Điều 110 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 15. Hoạt động xây dựng, thi công kết cấu hạ tầng cảng biển và các công trình trong vùng nước cảng biển

1. Trước khi thực hiện thi công nạo vét, xây dựng, các công trình bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước hoặc các công trình hàng hải khác tại cảng biển, chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện các quy định tại các Điều 4, 5, 6, 7, 8 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 69/2022/NĐ-CP và Nghị định số 34/2025/NĐ-CP; khoản 4 Điều 1 Nghị định số 34/2025/NĐ-CP; Điều 26, 27 Nghị định số 14/2026/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Phương tiện tham gia vận chuyển chất nạo vét trong thi công nạo vét phải lắp đặt hệ thống giám sát nạo vét theo quy định tại Nghị định số 57/2024/NĐ-CP ngày 20/4/2024 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa.

3. Trong quá trình thực hiện, kịp thời phản ánh những vấn đề phát sinh đến các bên có liên quan để cùng phối hợp giải quyết và chấp hành nghiêm chỉnh những hướng dẫn của Cảng vụ.

Mục 4

DỊCH VỤ HOA TIÊU HÀNG HẢI

Điều 16. Yêu cầu đối với dịch vụ hoa tiêu hàng hải

Dịch vụ hoa tiêu hàng hải phải thực hiện theo quy định tại Chương XI của Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015; Mục 6 Chương IV của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 17. Lập kế hoạch, thông báo, xác báo kế hoạch dẫn tàu

1. Tổ chức hoa tiêu hàng hải có trách nhiệm lập và gửi kế hoạch dẫn tàu hàng ngày theo quy định tại Điều 103 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

2. Trường hợp có yêu cầu phát sinh thay đổi về thời gian dẫn tàu hoặc yêu cầu phát sinh về dẫn tàu, tổ chức hoa tiêu phải gửi kế hoạch dẫn tàu (bổ sung) kịp thời cho Cảng vụ để bổ sung kế hoạch điều động tàu thuyền hàng ngày.

3. Trường hợp có yêu cầu đột xuất làm thay đổi thời gian dẫn tàu theo kế hoạch, tổ chức hoa tiêu hoặc hoa tiêu dẫn tàu phải thông báo ngay cho Cảng vụ và gửi kế hoạch bổ sung cho Cảng vụ thông qua các phương thức thông tin phù hợp để điều chỉnh kế hoạch dẫn tàu kịp thời.

Điều 18. Yêu cầu khi đón, trả hoa tiêu

Tàu thuyền khi đến gần tàu hoa tiêu để đón hoặc trả hoa tiêu phải giảm tốc độ đến mức thấp nhất nhưng vẫn đảm bảo an toàn, giữ liên lạc với phương tiện đưa, đón hoa tiêu trên kênh VHF được chỉ định và bố trí thang hoa tiêu theo quy định ở mạn dưới gió hoặc theo yêu cầu của hoa tiêu dẫn tàu để hoa tiêu lên, rời tàu an toàn. Thang hoa tiêu phải đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định, được chiếu sáng vào ban đêm, bố trí người trực và trang thiết bị cứu sinh theo quy định.

Điều 19. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của hoa tiêu hàng hải khi dẫn tàu

1. Hoa tiêu hàng hải khi dẫn tàu có trách nhiệm thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 251 của Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015, Điều 104 và 105 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Trong trường hợp từ chối dẫn tàu thuyền vì bất kỳ lý do gì, Hoa tiêu trực tiếp dẫn tàu thuyền phải thông báo ngay cho Cảng vụ biết về việc không thể thực hiện việc dẫn tàu thuyền theo kế hoạch điều động của Cảng vụ.

Điều 20. Trách nhiệm, nghĩa vụ của thuyền trưởng khi tự dẫn tàu

Trong trường hợp được phép tự dẫn tàu theo quy định tại điểm d, khoản 3, Điều 247 của Bộ luật hàng hải Việt Nam; khoản 2 Điều 104 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, trước khi điều động tàu thuyền trong vùng hoa tiêu bắt buộc, thuyền trưởng phải thông báo cho Cảng vụ biết về việc tự dẫn tàu thuyền và phải xuất trình Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải, Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải đã được cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định.

Điều 21. Trách nhiệm phối hợp giữa hoa tiêu, thuyền trưởng, tàu lai dắt hỗ trợ và doanh nghiệp cảng

Trước khi điều động tàu thuyền vào, rời cầu cảng, khu chuyển tải, khu neo đậu thuyền trưởng hoặc hoa tiêu dẫn tàu phải có trách nhiệm liên lạc với doanh nghiệp quản lý, khai thác cảng, vùng neo đậu, khu chuyển tải và thuyền trưởng tàu lai (đối với tàu sử dụng tàu lai hỗ trợ) để kiểm tra tính sẵn sàng của tàu lai, cầu cảng, khu chuyển tải, khu neo đậu và thống nhất kế hoạch điều động. Trong trường hợp tàu lai, cầu cảng, khu chuyển tải, khu neo đậu, công nhân buộc còi dây chưa sẵn sàng, thuyền trưởng hoặc hoa tiêu dẫn tàu thuyền phải thông báo ngay cho Cảng vụ để có biện pháp xử lý kịp thời.

Mục 5

LAI DẮT HỖ TRỢ TRONG VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN

Điều 22. Sử dụng tàu lai dắt hỗ trợ

1. Việc sử dụng tàu lai dắt hỗ trợ trong vùng nước cảng biển theo quy định tại Điều 64 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 27 Điều 1 Nghị định số 34/2025/NĐ-CP.

2. Chiều dài tàu thuyền quy định tại Điều này là chiều dài lớn nhất của tàu thuyền tính bằng đơn vị mét. Đối với đoàn lai đẩy, chiều dài được tính bằng tổng chiều dài đoàn bị lai và tàu lai đẩy.

3. Tàu thuyền có chiều dài từ 80 mét trở lên khi điều động cập, rời cầu cảng và cập, rời mạn tàu thuyền khác phải sử dụng tàu lai dắt hỗ trợ theo quy định sau đây:

3.1. Tàu thuyền khi điều động cập hoặc rời cầu cảng thuộc Bến cảng Vũng Áng phải sử dụng tàu lai dắt hỗ trợ theo quy định dưới đây:

a) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 80 đến dưới 110m phải có ít nhất 01 tàu lai dắt hỗ trợ với công suất tối thiểu 600 HP;

b) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 110 đến dưới 140m phải có ít nhất 02 tàu lai hỗ trợ với tổng công suất tối thiểu 1500 HP, trong đó tàu lai nhỏ nhất có công suất tối thiểu 600 HP;

c) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 140 đến dưới 170m phải có ít nhất 02 tàu lai hỗ trợ với tổng công suất tối thiểu 2700 HP, trong đó tàu lai nhỏ nhất có công suất tối thiểu 1200 HP;

d) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 170 đến dưới 190m phải có ít nhất 03 tàu lai hỗ trợ với tổng công suất tối thiểu 3800 HP, trong đó tàu lai nhỏ nhất có công suất tối thiểu 890 HP;

e) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 190m trở lên phải có ít nhất 03 tàu lai hỗ trợ với tổng công suất tối thiểu 4700 HP, trong đó tàu lai nhỏ nhất có công suất tối thiểu 1200 HP.

f) Tàu thuyền chở hàng tổng hợp có tổng trọng tải toàn phần trên 45.000 DWT phải có ít nhất 03 tàu lai hỗ trợ với tổng công suất tối thiểu 5800 HP, trong đó tàu lai nhỏ nhất có công suất tối thiểu 1200 HP.

3.2. Tàu thuyền khi điều động cập hoặc rời Bến cảng nhập than thuộc Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 phải sử dụng tàu lai hỗ trợ theo quy định dưới đây:

a) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 80 đến dưới 110m phải có ít nhất 01 tàu lai hỗ trợ với công suất tối thiểu 600 HP;

b) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 110 đến dưới 140m phải có ít nhất 02 tàu lai hỗ trợ với tổng công suất tối thiểu 2700 HP, trong đó tàu lai nhỏ nhất có công suất tối thiểu 1200 HP.

c) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 140 đến dưới 170m phải có ít nhất 02 tàu lai hỗ trợ với tổng công suất tối thiểu 3400 HP, trong đó tàu lai nhỏ nhất có công suất tối thiểu 1500 HP.

d) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 170 đến dưới 190m phải có ít nhất 02 tàu lai hỗ trợ với tổng công suất tối thiểu 4000 HP, trong đó tàu lai nhỏ nhất có công suất tối thiểu 1500 HP.

e) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 190m trở lên phải có ít nhất 03 tàu lai hỗ trợ với tổng công suất tối thiểu 4700 HP, trong đó tàu lai nhỏ nhất có công suất tối thiểu 1200 HP.

3.3. Tàu thuyền khi điều động cập hoặc rời Cầu cảng Xăng dầu, LPG Vũng Áng phải sử dụng tàu lai hỗ trợ theo quy định dưới đây:

a) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 80 đến dưới 100m phải có ít nhất 01 tàu lai hỗ trợ với công suất tối thiểu 600 HP;

b) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 100 đến dưới 120m phải có ít nhất 02 tàu lai hỗ trợ với tổng công suất tối thiểu 1500 HP, trong đó tàu lai nhỏ nhất có công suất tối thiểu 600 HP;

c) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 120 đến dưới 140m phải có ít nhất 02 tàu lai hỗ trợ với tổng công suất tối thiểu 2700 HP, trong đó tàu lai nhỏ nhất có công suất tối thiểu 890 HP;

d) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 140 trở lên phải có ít nhất 02 tàu lai hỗ trợ với tổng công suất tối thiểu 3400 HP, trong đó tàu lai nhỏ nhất có công suất tối thiểu 1500 HP.

3.4. Tàu thuyền khi điều động cập hoặc rời Bến cảng Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng II phải sử dụng tàu lai hỗ trợ theo quy định dưới đây:

a) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 80 đến dưới 110m phải có ít nhất 01 tàu lai hỗ trợ với công suất tối thiểu 890 HP;

b) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 110 đến dưới 140m phải có ít nhất 02 tàu lai hỗ trợ với tổng công suất tối thiểu 3400 HP, trong đó tàu lai nhỏ nhất có công suất tối thiểu 1500 HP;

c) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 140 đến dưới 170m phải có ít nhất 02 tàu lai hỗ trợ với tổng công suất tối thiểu 5000 HP, trong đó tàu lai nhỏ nhất có công suất tối thiểu 1800 HP;

d) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 170 đến dưới 190m phải có ít nhất 02 tàu lai hỗ trợ với tổng công suất tối thiểu 8000 HP, trong đó tàu lai nhỏ nhất có công suất tối thiểu 3000 HP;

e) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 190 đến dưới 225m phải có ít nhất 03 tàu lai hỗ trợ với tổng công suất tối thiểu 11000 HP, trong đó tàu lai nhỏ nhất có công suất tối thiểu 3000 HP;

f) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 225m trở lên phải có ít nhất 03 tàu lai hỗ trợ với tổng công suất tối thiểu 14000 HP, trong đó tàu lai nhỏ nhất có công suất tối thiểu 3000 HP.

3.5. Tàu thuyền khi điều động cập hoặc rời cầu cảng, quay trở, di chuyển vị trí trong Bến cảng Sơn Dương trừ khi điều động cập và rời các cầu A1 và cầu A2 phải sử dụng tàu lai hỗ trợ theo quy định dưới đây:

a) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 80 đến dưới 110m phải có ít nhất 01 tàu lai hỗ trợ với công suất tối thiểu 600 HP;

b) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 110 đến dưới 140m phải có ít nhất 02 tàu lai hỗ trợ với tổng công suất tối thiểu 2000 HP, trong đó tàu lai nhỏ nhất có công suất tối thiểu 600 HP;

c) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 140 đến dưới 170m phải có ít nhất 02 tàu lai hỗ trợ với tổng công suất tối thiểu 3400 HP, trong đó tàu lai nhỏ nhất có công suất tối thiểu 1200 HP;

d) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 170 đến dưới 190m phải có ít nhất 02 tàu lai hỗ trợ với tổng công suất tối thiểu 4800 HP, trong đó tàu lai nhỏ nhất có công suất tối thiểu 2400 HP;

e) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 190 đến dưới 225m phải có ít nhất 02 tàu lai hỗ trợ với tổng công suất tối thiểu 7200 HP, trong đó tàu lai nhỏ nhất có công suất tối thiểu 2400 HP;

g) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 225m đến dưới 250m phải có ít nhất 03 tàu lai hỗ trợ với tổng công suất tối thiểu 9000 HP, trong đó tàu lai nhỏ nhất có công suất tối thiểu 3000 HP;

h) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 250m đến dưới 300m phải có ít nhất 03 tàu lai hỗ trợ với tổng công suất tối thiểu 12000 HP, trong đó tàu lai nhỏ nhất có công suất tối thiểu 4000 HP;

i) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 300m trở lên phải có ít nhất 04 tàu lai hỗ trợ với tổng công suất tối thiểu 18000 HP, trong đó tàu lai nhỏ nhất có công suất tối thiểu 4500 HP.

3.6. Quy định về cập, rời cầu cảng A1, A2 thuộc Bến cảng Sơn Dương

3.6.1. Việc cập, rời cầu cảng A1, A2 phải đảm bảo phù hợp với quy trình kỹ thuật và điều kiện khai thác cầu cảng A1, A2.

3.6.2. Tàu thuyền khi điều động cập cầu cảng A1, A2 thuộc bến cảng Sơn Dương phải sử dụng tàu lai dút, hỗ trợ theo quy định dưới đây:

a) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất dưới 110m phải có ít nhất 02 tàu lai hỗ trợ với tổng công suất tối thiểu 1600 HP, trong đó tàu lai nhỏ nhất có công suất tối thiểu 800 HP;

b) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 110m trở lên phải có ít nhất 02 tàu lai hỗ trợ với tổng công suất tối thiểu 2000 HP, trong đó tàu lai nhỏ nhất có công suất tối thiểu 800 HP.

3.6.3. Tàu thuyền khi điều động rời cầu cảng A1, A2 thuộc bến cảng Sơn Dương phải sử dụng tàu lai dút, hỗ trợ theo quy định dưới đây:

a) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất dưới 110m phải có ít nhất 01 tàu lai hỗ trợ với công suất tối thiểu 1000 HP;

b) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 110m trở lên phải có ít nhất 01 tàu lai hỗ trợ với công suất tối thiểu 1500 HP.

Điều 23. Tăng, giảm tàu lai dắt hỗ trợ

1. Trong trường hợp đặc biệt, hành hải không bình thường, căn cứ vào tình hình thực tế tàu lai tại khu vực, xem xét các điều kiện an toàn, Giám đốc Cảng vụ quyết định cụ thể về việc tăng cường về số lượng, công suất, tính năng tàu lai hỗ trợ tàu thuyền cập, rời cầu, quay trở, dịch chuyển vị trí nhằm bảo đảm an toàn hàng hải và trên cơ sở ý kiến của thuyền trưởng, tổ chức hoa tiêu hàng hải, cụ thể như sau:

a) Tàu thuyền có chiều dài (LOA) hoặc trọng tải (DWT) lớn hơn chiều dài, trọng tải trong quyết định công bố của cầu cảng được phép tiếp nhận.

b) Tàu thuyền cập/rời cầu cảng trong điều kiện thời tiết xấu, không thuận lợi (gió từ cấp 6 trở lên theo thang sức gió Beaufort);

c) Tàu thuyền mất khả năng điều động;

d) Các trường hợp cần thiết khác nhằm bảo đảm an toàn.

2. Giám đốc Cảng vụ xem xét giảm số lượng, công suất tàu lai trên cơ sở tính năng của thiết bị hỗ trợ, kiến nghị của thuyền trưởng, tổ chức hoa tiêu hàng hải và các điều kiện thực tế khác, các trường hợp cụ thể như sau:

a) Đối với tàu thuyền cập, rời cầu mà có thiết bị hỗ trợ điều động, trong điều kiện khí tượng thủy văn ở trạng thái bình thường (gió từ cấp 5 trở xuống theo thang sức gió Beaufort), tàu không bị hạn chế bởi mớn nước hoặc chiều cao mạn đặc biệt, những tàu phải sử dụng từ hai tàu lai trở lên có công suất khác nhau thì được miễn giảm một (01) tàu lai có công suất nhỏ nhất với điều kiện tàu được lai có trang bị chân vịt mũi với công suất tương đương hoặc lớn hơn công suất máy tàu lai nhỏ nhất và hoạt động bình thường theo thiết kế.

b) Sử dụng tàu lai được trang bị hai chân vịt biến bước (VSP) hoặc chân vịt Azimuth.

Điều 24. Trách nhiệm của thuyền trưởng, hoa tiêu tàu được lai dắt hoặc người chỉ huy đoàn lai dắt và thuyền trưởng tàu lai

1. Trách nhiệm của thuyền trưởng thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn hàng hải theo khoản 2 Điều 104 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Trách nhiệm của hoa tiêu dẫn tàu thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn hàng hải theo khoản 1 Điều 104 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, các quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Quyền chỉ huy lai dắt tàu biển và hoạt động của đoàn lai dắt thực hiện theo quy định tại Điều 259 Bộ luật hàng hải Việt Nam và các quy định pháp luật hàng hải liên quan khác.

Mục 6**AN TOÀN HÀNG HẢI****Điều 25. Yêu cầu chung về Bảo đảm an toàn hàng hải**

Tàu thuyền khi hoạt động tại cảng biển có trách nhiệm thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn theo các Điều 62, Điều 106, Điều 108 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 34/2025/NĐ-CP, các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 26. Phương án bảo đảm an toàn hàng hải

1. Các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm xây dựng và trình Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Cảng vụ xem xét, chấp thuận phương án bảo đảm an toàn hàng hải theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 34/2025/NĐ-CP, Điều 27 Nghị định số 14/2026/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan; tổ chức thực hiện đúng theo phương án đã được duyệt.

2. Trong quá trình xây dựng và thi công, nếu có sự thay đổi về biện pháp thi công hoặc biện pháp bảo đảm an toàn hàng hải, giao thông hàng hải so với phương án đã được phê duyệt thì tổ chức, cá nhân liên quan phải báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, chấp thuận trước khi thực hiện.

Điều 27. Phân luồng giao thông trong vùng nước cảng biển

Hoạt động quản lý, vận hành luồng hàng hải, báo hiệu hàng hải và công bố Thông báo hàng hải thực hiện theo quy định tại Chương III của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017, Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025, Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ và các quy định pháp luật liên quan.

Điều 28. Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn

1. Tàu thuyền, doanh nghiệp cảng hoặc các tổ chức, đơn vị liên quan khi hoạt động tại cảng biển Hà Tĩnh phải thực hiện việc phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Mục 2, Chương V Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

2. Tàu thuyền, doanh nghiệp cảng hoặc các tổ chức, đơn vị liên quan khi hoạt động tại cảng biển phải thực hiện ngay việc ứng phó sự cố ô nhiễm môi trường theo yêu cầu của Giám đốc Cảng vụ và cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

3. Các Doanh nghiệp cảng có trách nhiệm lập, trình cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu và tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả sau khi được ban hành và sẵn sàng tham gia vào hoạt động chung ứng phó sự cố tràn dầu theo sự điều động, chỉ huy của các cơ quan có thẩm quyền.

Hoạt động Ứng phó sự cố tràn dầu tuân thủ theo Quyết định số 04/2026/QĐ-TTg ngày 23/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu.

4. Các Doanh nghiệp cảng có trách nhiệm xây dựng Quy chế hoạt động ứng phó sự cố hóa chất độc tuân thủ theo Quyết định số 26/2016/QĐ-TTg ngày 01/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động ứng phó sự cố hóa chất độc và Quyết định số 04/2020/QĐ-TTg ngày 13/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động ứng phó sự cố hóa chất độc.

5. Nghiêm cấm mọi hành vi sử dụng các trang thiết bị thông tin liên lạc trên tàu thuyền hoặc các trang thiết bị, vật dụng khác để phát tín hiệu cấp cứu giả. Trường hợp bất khả kháng hay do sơ suất trong khi sử dụng các trang thiết bị phát tín hiệu cấp cứu như phao EPIRB, MF/HF, VHF, DSC, v.v..., thuyền trưởng phải thông báo ngay cho Cảng vụ, đồng thời dùng mọi biện pháp cải chính tín hiệu cấp cứu đã phát trước đó.

Điều 29. Xử lý tai nạn hàng hải và sự cố hàng hải

1. Tổ chức, cá nhân hoặc tàu thuyền khi hoạt động tại cảng biển phải có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh quy định về xử lý tai nạn hàng hải theo quy định tại Điều 107 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 39 Điều 1 Nghị định số 34/2025/NĐ-CP, quy định khác có liên quan của pháp luật và quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Khi xảy ra tai nạn hoặc sự cố hàng hải, thuyền trưởng, chủ tàu, người quản lý tàu, người khai thác tàu và các tổ chức, cá nhân liên quan tới tai nạn hàng hải có trách nhiệm thực hiện Điều 5 Thông tư số 01/2020/TT-BGTVT ngày 20/01/2020 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về báo cáo và điều tra tai nạn hàng hải.

Điều 30. Phòng, chống cháy, nổ

1. Tàu thuyền, doanh nghiệp cảng, cơ sở phá dỡ tàu cũ, doanh nghiệp đóng mới, sửa chữa tàu thuyền hoặc các tổ chức, đơn vị liên quan khi hoạt động tại cảng biển phải thực hiện việc phòng, chống cháy, nổ theo quy định tại Điều 113, Điều 114, Điều 115 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, quy định khác có liên quan của pháp luật.

2. Khi xảy ra sự cố cháy nổ, thuyền trưởng, doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện việc ứng cứu kịp thời và thông báo ngay cho Cảng vụ biết, phối hợp xử lý theo quy định.

Mục 7

AN NINH HÀNG HẢI, LAO ĐỘNG HÀNG HẢI

Điều 31. Bảo đảm an ninh hàng hải

1. Tàu thuyền và doanh nghiệp cảng phải thực hiện nghiêm chỉnh các quy định tại Bộ luật quốc tế về an ninh tàu biển và bến cảng (ISPS Code) và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

2. Tăng cường công tác cảnh giới và có biện pháp phù hợp nhằm phòng ngừa đảm bảo an ninh cho tàu khi neo đậu tại các khu neo đậu, chuyển tải và khu đón, trả hoa tiêu.

Điều 32. Lao động hàng hải

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động tại cảng biển và vùng nước cảng biển phải chấp hành các quy định của pháp luật Việt Nam về lao động hàng hải và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên về lao động hàng hải và quy định pháp luật có liên quan khác.

2. Tàu thuyền thuộc đối tượng áp dụng của Công ước lao động hàng hải (MLC 2006) phải chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Công ước này và quy định pháp luật có liên quan khác.

3. Khi xảy ra tai nạn lao động hàng hải trong vùng nước cảng biển, chủ tàu hoặc thuyền trưởng có trách nhiệm thực hiện các quy định theo Thông tư số 37/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về khai báo, điều tra, thống kê và báo cáo tai nạn lao động hàng hải và kịp thời báo cáo cho Cảng vụ để phối hợp xử lý.

Mục 8

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Điều 33. Bảo vệ môi trường tại cảng biển

Tổ chức, cá nhân, tàu thuyền khi hoạt động tại cảng biển có trách nhiệm thực hiện nghiêm các quy định về phòng ngừa ô nhiễm môi trường tại Điều ước Quốc tế mà Việt Nam là quốc gia thành viên, Bộ luật Hàng hải Việt Nam, Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

Điều 34. Ngăn ngừa ô nhiễm môi trường từ hoạt động tàu thuyền

1. Tất cả các tổ chức, cá nhân, tàu thuyền khi hoạt động tại cảng biển có nghĩa vụ thực hiện quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Tàu thuyền neo đậu trong vùng nước cảng biển không được bơm xả các loại nước bẩn, cặn bẩn, chất thải, dầu hoặc hợp chất dầu và các loại chất độc hại khác; không được vứt, đổ rác hoặc các đồ vật khác từ tàu xuống nước hoặc cầu cảng.

Điều 35. Quản lý nước dẫn tàu, thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền

Tàu thuyền Việt Nam và tàu thuyền nước ngoài, các cơ quan và tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển thực hiện theo đúng quy định tại Điều 117 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và Thông tư số 41/2017/TT-BGTVT ngày 14/11/2017 của Bộ Giao thông vận tải quy định về Quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 34/2020/TT-BGTVT ngày 23/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực hàng hải và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

Điều 36. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

1. Tất cả các tổ chức, cá nhân, tàu thuyền khi hoạt động tại cảng biển có nghĩa vụ thực hiện quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Nghiêm cấm tất cả các tổ chức, cá nhân, tàu thuyền khi hoạt động tại cảng biển xả nước thải, xả khí thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường ra ngoài môi trường.

2. Trong trường hợp xảy ra sự cố liên quan đến tràn dầu, các tàu thuyền neo đậu tại khu vực lân cận phải di chuyển theo hướng dẫn, điều tiết của Cảng vụ và thực hiện các quy định theo Quyết định số 04/2026/QĐ-TTg ngày 23/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu và các văn bản pháp luật có liên quan.

Mục 9

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN, DOANH NGHIỆP HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC HÀNG HẢI

Điều 37. Trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải

Dịch vụ hoa tiêu hàng hải trong vùng nước cảng biển phải thực hiện theo quy định tại Chương XI Bộ luật Hàng hải Việt Nam, Mục 6 Chương IV Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, các quy định khác có liên quan của pháp luật và các yêu cầu sau đây:

1. Tổ chức hoa tiêu hàng hải có trách nhiệm bố trí hoa tiêu dẫn tàu theo kế hoạch điều động tàu do Cảng vụ phê duyệt.

2. Lập kế hoạch dẫn tàu hàng ngày, thông báo với Cảng vụ để thống nhất thực hiện; trường hợp có thay đổi phải kịp thời thông báo và nêu rõ lý do.

3. Tổ chức hoa tiêu phải cập nhật và thông báo cho hoa tiêu dẫn tàu các thông số kỹ thuật về bến cảng, bến phao, khu vực neo đậu, khu vực chuyển tải, khu vực quay trở, độ sâu tuyến luồng... cũng như các yêu cầu kỹ thuật khi cập và rời cầu cảng, bến phao.

Điều 38. Trách nhiệm của doanh nghiệp cảng, bến phao, doanh nghiệp hoạt động bốc xếp tại các khu vực neo đậu, chuyển tải

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 37/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh khai thác cảng được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, Nghị định số 69/2022/NĐ-CP ngày 23/9/2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải; Điều 22, Điều 37, Điều 67, Điều 112, Điều 113, Điều 114, Điều 117 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 34/2025/NĐ-CP, các quy định có liên quan khác của pháp luật và yêu cầu sau đây:

1. Thực hiện việc kê khai và niêm yết giá theo đúng quy định của Pháp luật hiện hành.

2. Trước 16 giờ hàng ngày phải thông báo kế hoạch điều độ tàu vào, rời cảng, tàu di chuyển, quay trở cho Cảng vụ để lập và triển khai kế hoạch điều động tàu; trường hợp có thay đổi, phải thông báo ngay cho Cảng vụ biết để điều chỉnh kế hoạch điều động tàu thuyền trong ngày.

3. Lập Quy trình bảo trì công trình hàng hải; Kế hoạch bảo trì công trình hàng hải và thực hiện công tác báo cáo định kỳ công tác bảo trì công trình hàng hải theo quy định.

Điều 39. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển

Thực hiện theo quy định tại Chương III Nghị định số 160/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh vận tải biển, kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển và dịch vụ lai dắt tàu biển được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, các quy định khác có liên quan của pháp luật.

Điều 40. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ vận tải biển

Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ vận tải biển thực hiện theo quy định tại Nghị định số 160/2016/NĐ-CP ngày 19/11/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh vận tải biển và điều kiện kinh doanh lai dắt tàu biển, kinh doanh đại lý tàu biển tại Việt Nam được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/12/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải.

Điều 41. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lai dắt tàu thuyền

Thực hiện theo quy định tại Chương XII Bộ luật Hàng hải Việt Nam 2015, Chương IV Nghị định số 160/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh vận tải biển, kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển và dịch vụ lai dắt tàu biển được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải; các quy định khác có liên quan của pháp luật và yêu cầu sau:

1. Chậm nhất 16 giờ 00 hàng ngày, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lai dắt phải gửi thông báo về Kế hoạch lai dắt hỗ trợ tàu thuyền của ngày kế tiếp cho Cảng vụ biết. Trường hợp có thay đổi, phải kịp thời thông báo bổ sung chậm nhất 02 giờ sau khi nhận được yêu cầu cung cấp hoặc hủy bỏ dịch vụ.

2. Việc cung cấp dịch vụ tàu lai dắt hỗ trợ khi điều động cập, rời cầu cảng, bến phao; cập mạn tàu thuyền khác; di chuyển vị trí, quay trở trong phạm vi vùng nước trước cầu cảng, vùng nước bến phao phải chấp hành nghiêm chỉnh quy định về công suất, số lượng, loại tàu lai.

3. Thực hiện việc kê khai, công bố và niêm yết giá theo đúng quy định của Pháp luật hiện hành.

Điều 42. Trách nhiệm của doanh nghiệp đóng mới, sửa chữa, phá dỡ, hoán cải tàu thuyền

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 111/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định Điều kiện kinh doanh dịch vụ đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển; Mục 7, 8 Bộ luật Hàng hải Việt Nam; Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định khác của pháp luật.

Điều 43. Trách nhiệm của doanh nghiệp hoạt động thu gom chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 41/2017/TT-BGTVT ngày 14/11/2017 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển được bổ sung, sửa đổi bởi Thông tư

số 34/2020/TT-BGTVT ngày 23/12/2020 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực hàng hải; Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định khác của pháp luật.

Điều 44. Trách nhiệm của tổ chức quản lý, vận hành báo hiệu hàng hải, luồng hàng hải

Hoạt động quản lý, vận hành báo hiệu hàng hải, luồng hàng hải thực hiện theo quy định tại Chương II, Chương III Nghị định số 58/2017/NĐ-CP; Nghị định số 34/2025/NĐ-CP; Nghị định số 14/2026/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 45. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ hàng hải khác

Các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ hàng hải khác chấp hành nghiêm chỉnh theo quy định tại Bộ luật Hàng hải Việt Nam 2015, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác liên quan.

Điều 46. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản, khai thác và nuôi trồng thủy sản trong vùng nước cảng biển

Các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản, khai thác và nuôi trồng thủy sản trong vùng nước cảng biển Hà Tĩnh thực hiện nghĩa vụ thiết lập báo hiệu hàng hải theo quy định tại Khoản 3 Điều 39 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 34/2025/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác liên quan.

Mục 10

CÔNG TÁC PHỐI HỢP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG HÀNG HẢI

Điều 47. Phối hợp hoạt động giữa các Cảng vụ Hàng hải

1. Cảng vụ có trách nhiệm chủ động phối hợp với các Cảng vụ hàng hải liên quan để giải quyết các sự việc, tình huống phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của mình, bảo đảm đúng quy định pháp luật và phù hợp với thực tế.

2. Trường hợp phát sinh các tình huống vượt quá thẩm quyền của Cảng vụ thì phải báo cáo ngay Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, chính quyền địa phương để được giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 48. Phối hợp giữa Cảng vụ Hàng hải với các cơ quan quản lý nhà nước khác

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 120, 121, 122 tại Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định có liên quan khác của pháp luật.

2. Chủ động triển khai thực hiện các biện pháp phối hợp giữa Cảng vụ với các cơ quan quản lý nhà nước khác.

MỤC 11**CÁC NỘI DUNG LIÊN QUAN KHÁC****Điều 49. Hoạt động thể thao, diễn tập tìm kiếm cứu nạn, hoạt động diễn tập quân sự**

Việc tổ chức các hoạt động thể thao, diễn tập tìm kiếm cứu nạn, diễn tập quân sự và an ninh hàng hải và các hoạt động tương tự khác trong vùng nước cảng biển phải thực hiện theo quy định tại Điều 109 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, khoản 1 Điều 26 của Nội quy này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 50. Kiểm dịch y tế, kiểm dịch thực vật, kiểm dịch động vật, phòng chống dịch bệnh

Tàu thuyền hoạt động trong vùng nước cảng biển phải thực hiện đúng các quy định về kiểm dịch y tế, kiểm dịch thực vật, động vật và các quy định về phòng chống dịch bệnh tại Nghị định 58/2017/NĐ-CP và các quy định pháp luật liên quan.

CÁC PHỤ LỤC KÈM THEO

PHỤ LỤC I

THÔNG TIN CHUNG VỀ VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN, KHU VỰC HÀNG HẢI THUỘC ĐỊA PHẬN TỈNH HÀ TĨNH VÀ KHU VỰC QUẢN LÝ CỦA CẢNG VỤ HÀNG HẢI HÀ TĨNH

(Kèm theo Nội quy cảng biển thuộc khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Hà Tĩnh)

A. DANH MỤC BẾN CẢNG THUỘC KHU VỰC QUẢN LÝ CỦA CẢNG VỤ HÀNG HẢI HÀ TĨNH

Bảng 1. THÔNG SỐ CẦU CẢNG, BẾN CẢNG

STT	Tên cầu cảng/Bến cảng	Công năng	Cỡ tàu (DWT)	Chiều dài (m)	Độ sâu TK (-m)
I	Bến cảng Vũng Áng	Tổng hợp			
1	Cầu cảng số 1	Tổng hợp	45.000	185,5	11
		Container	30.000		
2	Cầu cảng số 2	Tổng hợp	61.671 (giảm tải)	270	13
		Container	45.000		
3	Cầu cảng số 3	Tổng hợp	45.000	225	13,3
II	Bến cảng Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1	Chuyên dùng			
1	Cầu Tây	Than	30.000	165	12
2	Cầu Đông		30.000	165	12
III	Bến cảng Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng II	Chuyên dùng			
1	Cầu cảng Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng II	Than	100.000	310	18
IV	Bến cảng Xăng dầu LPG Vũng Áng	Chuyên dùng			
1	Cầu 15.000 DWT	Xăng dầu, LPG	15.000	218	10,0
2	Cầu 3.000 DWT		3.000	118,5	6,0
V	Bến cảng Sơn Dương	Chuyên dùng			
1	Cầu cảng S1	Than, sa khoáng	200.000	365	21
2	Cầu cảng S2	Than, sa khoáng	200.000	365	21
3	Cầu cảng S3	Than, sa khoáng	200.000	415	24,5
4	Cầu cảng W1	Tổng hợp, hàng rời; vật liệu đá, sa khoáng	50.000	260	14,5
5	Cầu cảng W2	Tổng hợp, hàng rời; Vật liệu đá, thép phế liệu, xi đá lò, thép thành phẩm	50.000	245	14,5
6	Cầu cảng W3	Tổng hợp, hàng rời; Vật liệu đá, thép phế	50.000	275	14,5

		liệu, xi đá lò, thép thành phẩm			
7	Cầu cảng W4	Tổng hợp, hàng rời; Sản phẩm thép	10.000	155	10
8	Cầu cảng W5	Tổng hợp, hàng rời; Sản phẩm thép	10.000	155	10
9	Cầu cảng W6	Tổng hợp, hàng rời; Sản phẩm thép	10.000	155	10
10	Cầu cảng W7	Tổng hợp, hàng rời; Sản phẩm thép	10.000	155	10
11	Cầu cảng A1	Sản phẩm thép	10.000	156	10
12	Cầu cảng A2	Sản phẩm thép	10.000	156	10
13	Cầu cảng N2	Sản phẩm hóa dầu	10.000	155	10
14	Bến dịch vụ	Neo đậu tàu lai, tàu dịch vụ	5.000 HP	985	6,7

B. TUYỂN LUỒNG HÀNG HẢI TẠI CẢNG BIỂN HÀ TĨNH

Bảng 2. CÁC LUỒNG HÀNG HẢI

TT	Tên luồng	Thông số luồng thiết kế				Đơn vị quản lý vận hành	Quyết định công bố
		Dài (Km)	Rộng (m)		Độ sâu (m)		
			Lớn nhất	Nhỏ nhất			
1	Luồng hàng hải chuyên dùng vào Bến cảng Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1	2,2	-	150	-11,0	Công ty Điện lực dầu khí Hà Tĩnh	Quyết định số 351/QĐ-CHHVN ngày 13/3/2019 của Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam (nay là Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam)
2	Đoạn luồng hàng hải vào Bến cảng Xăng dầu LPG Vũng Áng	0.95	-	120	-11,5	Công ty cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	Quyết định số 793/QĐ-CHHVN ngày 17/6/2021 của Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam (nay là Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam)
3	Luồng hàng hải chuyên dùng vào Bến cảng Sơn Dương (giai đoạn 1)	9,6	600	400	-20,0	Công ty TNHH Gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh	Quyết định số1603/QĐ-CHHVN ngày 11/10/2018 của Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam (nay là Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam)
4	Luồng hàng hải Vũng Áng	3,2	-	150	-12,0	Cảng vụ Hàng hải Hà Tĩnh	Quyết định số318/QĐ-CHHVN ngày 22/3/2018 của Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam (nay là Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam)

C. BẢN VẼ VÀ GIỚI HẠN PHẠM VI VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN HÀ TĨNH

Vùng nước cảng biển Hà Tĩnh là vùng nước cảng biển được quy định tại Thông tư số 54/2025/TT-BXD ngày 23/12/2025 của Bộ Xây dựng về công bố vùng nước cảng biển, khu vực hàng hải thuộc địa phận tỉnh Hà Tĩnh và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Hà Tĩnh.

I. Vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Hà Tĩnh bao gồm 02 khu vực hàng hải:

1. Khu vực hàng hải Vũng Áng - Sơn Dương.
2. Khu vực hàng hải Xuân Hải.

II. Phạm vi vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Hà Tĩnh

Vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Hà Tĩnh tính theo mực nước thủy triều lớn nhất bao gồm các khu vực sau:

1. Khu vực Vũng Áng - Sơn Dương với phạm vi:

a) Ranh giới về phía biển: được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm A1, A2, A3, A4 và A5 có tọa độ sau đây:

A1: 18°06'33"N, 106°21'50"E;

A2: 18°12'35"N, 106°21'50"E;

A3: 18°12'35"N, 106°31'10"E;

A4: 18°00'00"N, 106°31'10"E;

A5: 18°00'00"N, 106°28'01"E.

b) Ranh giới về phía đất liền: từ điểm A1 chạy dọc theo bờ biển đến điểm A5.

2. Khu vực Xuân Hải với phạm vi:

Ranh giới về phía đất liền khu vực sông Lam: Từ điểm HT1 có tọa độ: 18°46'15,6"N, 105°46'19,3"E và điểm HT2 có tọa độ: 18°46'02,5"N, 105°45'48,5"E (tim luồng Cửa Hội - Bến Thủy) chạy dọc theo đường tim luồng và bờ trái sông Lam (từ biển vào) về phía thượng nguồn đến đường thẳng cắt ngang sông, cách thượng lưu cầu cảng số 06 - cảng Bến Thủy 200 mét về phía thượng nguồn.

III. Khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Hà Tĩnh

Khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Hà Tĩnh được quy định tại Điều 3 Thông tư số 54/2025/TT-BXD ngày 23/12/2025 của Bộ Xây dựng về công bố vùng nước cảng biển, khu vực hàng hải thuộc địa phận tỉnh Hà Tĩnh và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Hà Tĩnh.

IV. Bản vẽ giới hạn khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Hà Tĩnh

Hình 1. Bản vẽ giới hạn khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Hà Tĩnh



D. THÔNG TIN VÙNG ĐÓN TRẢ HOA TIÊU, KIỂM DỊCH VÀ VỊ TRÍ NEO ĐẬU KẾT HỢP TRÁNH TRÚ BẢO CHO TÀU THUYỀN TRONG VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN HÀ TĨNH

Bảng 3. VÙNG ĐÓN TRẢ HOA TIÊU, KIỂM DỊCH

TT	Chỉ tiêu	Vị trí	Hình dạng	Diện tích (m ²)	Cỡ tàu lớn nhất (DWT)
1	Vùng đón trả hoa tiêu, kiểm dịch khu vực Vũng Áng	18°09'39.1"N 106°23'36.1"E (tọa độ tâm hình tròn)	Vùng nước được giới hạn bởi đường tròn bán kính 1 hải lý	10.775.361	100.000
2	Vùng đón trả hoa tiêu, kiểm dịch Sơn Dương	18°09'42.2"N 106°27'54.5"E	Hình tròn	10.775.361	200.000

Bảng 4. CÁC KHU NEO ĐẬU, CHUYỂN TẢI

TT	Chỉ tiêu	Vị trí, tọa độ (Hệ tọa độ VN-2000)	Kích thước		Cỡ tàu lớn nhất khai thác (DWT)	Tình trạng hoạt động
			Hình dạng	Diện tích (m ²)		
A	B	1	2	3	4	5
1	Khu vực Hàng hải Vũng Áng - Sơn Dương					
a	Khu neo đậu, chuyển tải xăng dầu tại khu vực Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh	18°09'11.1"N 106°22'29.1"E	Hình tròn	384.650	50.000	Đã công bố năm 2024
b	Khu neo đậu tàu tại Vũng Áng - Hà Tĩnh	18°10'N - 18°11'N 106°22'E - 106°24'E	15 điểm neo đậu hình tròn	6.310.000	100.000	Đã công bố năm 2015
	Vị trí neo đậu VA01	18°10'14.4"N 106°24'01.1"E	Hình tròn	477.836	100.000	
	Vị trí neo đậu VA02	18°10'45.8"N 106°24'01.4"E	Hình tròn	477.836	100.000	
	Vị trí neo đậu VA03	18°10'10.1"N 106°23'35.6"E	Hình tròn	301.907	50.000	
	Vị trí neo đậu VA04	18°10'30.3"N 106°23'35.7"E	Hình tròn	301.907	50.000	
	Vị trí neo đậu VA05	18°10'50.5"N 106°23'35.9"E	Hình tròn	301.907	50.000	
	Vị trí neo đậu VA06	18°10'10.3"N 106°23'05.9"E	Hình tròn	301.907	50.000	
	Vị trí neo đậu VA07	18°10'30.5"N 106°23'06.1"E	Hình tròn	301.907	50.000	
	Vị trí neo đậu VA08	18°10'50.7"N 106°23'06.3"E	Hình tròn	301.907	50.000	
	Vị trí neo đậu VA09	18°10'10.5"N 106°22'44.8"E	Hình tròn	301.907	50.000	

	Vị trí neo đậu VA10	18°10'30.7"N 106°22'45.0"E	Hình tròn	301.907	50.000	
	Vị trí neo đậu VA11	18°10'50.8"N 106°22'45.2"E	Hình tròn	301.907	50.000	
	Vị trí neo đậu VA12	18°10'08.6"N 106°22'18.3"E	Hình tròn	152.053	15.000	
	Vị trí neo đậu VA13	18°10'23.4"N 106°22'18.4"E	Hình tròn	152.053	15.000	
	Vị trí neo đậu VA14	18°10'38.3"N 106°22'18.5"E	Hình tròn	152.053	15.000	
	Vị trí neo đậu VA15	18°10'53.1"N 106°22'18.6"E	Hình tròn	152.053	15.000	
c	Khu neo đậu tàu tại Sơn Dương	18°07'N - 18°10'N 106°28'E - 106°30'E	19 điểm neo đậu hình tròn	14.950.000	200.000	Tạm thời đưa vào sử dụng
	Vị trí neo đậu SD1	18°10'06.5"N 106°29'37.5"E	Hình tròn	916.088	200.000	
	Vị trí neo đậu SD2	18°09'47.9"N 106°30'11.8"E	Hình tròn	916.088	200.000	
	Vị trí neo đậu SD3	18°09'29.3"N 106°30'46.1"E	Hình tròn	916.088	200.000	
	Vị trí neo đậu SD4	18°09'36.1"N 106°29'19.6"E	Hình tròn	622.114	90.000	
	Vị trí neo đậu SD5	18°09'21.0"N 106°29'47.4"E	Hình tròn	622.114	90.000	
	Vị trí neo đậu SD6	18°09'05.9"N 106°30'15.2"E	Hình tròn	622.114	90.000	
	Vị trí neo đậu SD7	18°08'50.8"N 106°30'43.0"E	Hình tròn	622.114	90.000	
	Vị trí neo đậu SD8	18°09'02.6"N 106°28'55.8"E	Hình tròn	622.114	90.000	
	Vị trí neo đậu SD9	18°08'47.5"N 106°29'23.6"E	Hình tròn	622.114	90.000	
	Vị trí neo đậu SD10	18°08'32.4"N 106°29'51.4"E	Hình tròn	622.114	90.000	
	Vị trí neo đậu SD11	18°08'17.3"N 106°30'19.2"E	Hình tròn	622.114	90.000	
	Vị trí neo đậu SD12	18°08'02.2"N 106°30'47.0"E	Hình tròn	622.114	90.000	
	Vị trí neo đậu SD13	18°08'41.8"N 106°28'38.3"E	Hình tròn	311.725	10.000	
	Vị trí neo đậu SD14	18°08'31.2"N 106°28'57.9"E	Hình tròn	311.725	10.000	
	Vị trí neo đậu SD15	18°08'20.6"N 106°29'17.4"E	Hình tròn	311.725	10.000	
	Vị trí neo đậu SD16	18°08'10.0"N 106°29'36.9"E	Hình tròn	311.725	10.000	
	Vị trí neo đậu SD17	18°07'59.5"N 106°29'56.5"E	Hình tròn	311.725	10.000	
	Vị trí neo đậu SD18	18°07'48.8"N 106°30'16.0"E	Hình tròn	311.725	10.000	
	Vị trí neo đậu SD19	18°07'38.2"N 106°30'35.5"E	Hình tròn	311.725	10.000	

PHỤ LỤC II
THÔNG TIN CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HÀNG HẢI, CÁC
CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CHUYÊN NGÀNH KHÁC TẠI CẢNG
BIỂN VÀ CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CÓ LIÊN QUAN

(Kèm theo Nội quy cảng biển thuộc khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Hà Tĩnh)

1. Chi cục Hải quan khu vực XI.

Địa chỉ: Số 186 đường Xuân Diệu, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 02393.693.734

2. Hải quan cửa khẩu cảng Vũng Áng.

Địa chỉ : Khu kinh tế Vũng Áng, phường Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh

3. Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Hà Tĩnh.

Địa chỉ: 275 Vũ Quang, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh

4. Ban Chỉ huy Biên phòng cửa khẩu cảng Vũng Áng - Sơn Dương.

Địa chỉ : Khu kinh tế Vũng Áng, phường Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh

5. Trung Tâm Kiểm Soát Bệnh Tật Hà Tĩnh.

Địa chỉ: Số 229 Nguyễn Huy Tự, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 02393.891.183

6. Chi cục Thú y vùng III.

Địa chỉ: 51 Nguyễn Sinh Sắc, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 02383.842.786

7. Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng VI.

Địa chỉ: 28 Trần Phú, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 02383.837.796

